Chương V

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 16. Kinh phí để tổ chức Giải thưởng chất lượng hàng năm được đóng góp từ các doanh nghiệp tham dự giải và một phần từ ngân sách nhà nước cấp cho Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Phần đóng góp của các doanh nghiệp được chi 50% cho các hoạt động của Hội đồng sơ tuyển, 50% cho hoạt động của Hội đồng chung tuyển.

Điều 17. Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tổ chức trọng thể lễ trao Giải thưởng chất lượng hàng năm cho các doanh nghiệp được tặng giải./.

KT. Bộ trưởng
Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
Thứ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

THÔNG TƯ số 62/2001/TT-BNN ngày 05/6/2001 hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp theo Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005.

Thi hành Điều 3 và Điều 4 Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu các loại hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp,

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp, gồm:

- Xuất khẩu gỗ, sản phẩm gỗ;

- Xuất khẩu động vật hoang dã, động vật quý hiếm, thực vật rừng quý hiếm;

- Xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi;

- Nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu sản xuất thuốc thú y và các chế phẩm sinh học dùng trong thú y;

- Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và côn trùng các loại;

- Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi;

- Nhập khẩu phân bón và các chế phẩm phân bón;

- Xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật.

2. Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

3. Các doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu khai báo khi nhập khẩu, xuất khẩu và chịu trách nhiệm với người sử dụng

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

về chất lượng hàng nhập khẩu theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

1.1. Gỗ, sản phẩm gỗ từ rừng tự nhiên trong nước cấm xuất khẩu, gồm:

- Gỗ tròn các loại;

- Gỗ xẻ các loại;

- Sản phẩm gỗ quý hiếm từ rừng tự nhiên trong nước thuộc nhóm IA quy định tại Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);

- Củi, than làm từ gỗ hoặc từ củi có nguồn gốc từ rừng tự nhiên trong nước;

- Các loại gỗ có tên trong Danh mục động, thực vật hoang dã cấm buôn bán quốc tế của Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã có nguy cơ bị tuyệt chủng (sau đây gọi tắt là CITES).

1.2. Các sản phẩm gỗ xuất khẩu theo giấy phép hoặc theo điều kiện:

a) Đối với gỗ có tên trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã xuất khẩu có điều kiện (Phụ lục II của CITES), khi xuất khẩu phải có giấy phép của Văn phòng CITES Việt Nam;

b) Sản phẩm gỗ quý hiếm thuộc nhóm IIA quy định tại Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 chỉ được phép xuất khẩu ở dạng hàng mỹ nghệ và đồ gỗ cao cấp, khi xuất khẩu doanh nghiệp phải có giấy phép của Chi cục Kiểm lâm sở tại.

1.3. Các sản phẩm được xuất khẩu không hạn chế số lượng và giá trị:

Tất cả các sản phẩm làm từ các loại gỗ không quy định tại khoản 1.1, khoản 1.2 và các sản phẩm từ rừng trồng (trừ gỗ tròn, gỗ xẻ) đều được phép xuất khẩu không hạn chế về số lượng và giá trị; khi xuất khẩu doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

1.4. Gỗ tròn, gỗ xẻ có nguồn gốc từ rừng trồng và từ nhập khẩu:

a) Đối với gỗ tròn, gỗ xẻ có nguồn gốc từ rừng trồng:

Đối với gỗ tròn, gỗ xẻ các loại có nguồn gốc từ rừng trồng, doanh nghiệp được xuất khẩu không hạn chế về số lượng và giá trị; khi xuất khẩu doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu và xuất trình biên bản xác nhận của Hạt Kiểm lâm nơi khai thác;

b) Đối với gỗ tròn, gỗ xẻ có nguồn gốc nhập khẩu:

- Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu để sản xuất kinh doanh nhưng không sử dụng mà tái xuất, khi làm thủ tục xuất khẩu doanh nghiệp chỉ cần xuất trình tờ khai hải quan nhập khẩu được hải quan cửa khẩu nhập cấp theo quy định hiện hành;

- Trường hợp doanh nghiệp ủy thác nhập khẩu gỗ qua doanh nghiệp khác thì khi xuất khẩu phải có hợp đồng ủy thác và bản sao tờ khai hải quan nhập khẩu do doanh nghiệp nhận ủy thác xác nhận;

- Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu mua lại của doanh nghiệp nhập khẩu để tái xuất thì khi làm thủ tục xuất khẩu phải có:

+ Hợp đồng mua, bán giữa hai đơn vị;

+ Bản sao tờ khai hải quan nhập khẩu do Hạt Kiểm lâm nơi doanh nghiệp bán xác nhận, đã trừ lùi khối lượng bán trên bản sao;

- Trường hợp gỗ cắt ngắn hoặc xẻ ra từ gỗ tròn nhập khẩu cần có biên bản xác nhận của Hạt Kiểm lâm sở tại và có dấu búa kiểm lâm Việt Nam trên gỗ;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Tất cả gỗ tròn, gỗ xẻ có nguồn gốc nhập khẩu phải có dấu búa của nước xuất khẩu (nếu nước xuất khẩu không có dấu búa thì đóng búa kiểm lâm của Việt Nam theo quy định và mẫu búa riêng).

2. Xuất khẩu động vật hoang dã, động vật quý hiếm và thực vật rừng quý hiếm.

2.1. Cấm xuất khẩu vì mục đích thương mại các loài động vật hoang dã và thực vật rừng quý hiếm sau đây:

a) Các loài động vật rừng, thực vật rừng quý hiếm đã được quy định tại Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);

b) Các loài động vật hoang dã thông thường, khai thác, đánh bắt trực tiếp từ tự nhiên theo quy định trong Chỉ thị số 359/TTg ngày 29/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Các loài động vật, thực vật hoang dã có tại Việt Nam và có tên trong Phụ lục I của CITES;

d) Các loài động vật hoang dã là thiệp dịch của chuột theo Chỉ thị số 09/1998/CT-TTg ngày 18/2/1998 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 140/2000/QĐ-BNN-KL ngày 21/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố Danh mục một số loài động vật hoang dã là thiên địch của chuột;

đ) Tinh dầu trầm (gió bầu) và tinh dầu xá xị theo Quyết định số 45/1999/QĐ-BNN-KL ngày 02/3/1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.2. Các loài động vật hoang dã, động vật quý hiếm và thực vật rừng quý hiếm được xuất khẩu khi có những điều kiện như sau:

a) Đối với các loài động vật hoang dã, thực vật rừng quý hiếm đã được quy định tại các điểm a và c của khoản 2.1 khi xuất khẩu vì mục đích nghiên cứu khoa học hoặc hợp tác quốc tế phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép; riêng đối với những loài thuộc nhóm I của Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép;

b) Đối với các loài động vật hoang dã, thực vật rừng quý hiếm đã được quy định tại các điểm a, b và d của khoản 2.1 do gây nuôi, nhân giống phát triển tại trại hoặc hộ gia đình, được xuất khẩu sản phẩm từ thế hệ F2 trở đi, nhưng phải có xác nhận của Chi cục Kiểm lâm sở tại; Văn phòng CITES Việt Nam căn cứ vào đó để cấp giấy phép xuất khẩu;

c) Đối với loài động vật hoang dã thuộc điểm c và khoản 2.1 được xuất khẩu sản phẩm từ thế hệ F2 trở đi do nhân nuôi, sinh sản tại trại với các điều kiện:

- Có trại nuôi do CITES quốc tế xác nhận;

- Có quota do CITES quốc tế cấp;

- CITES Việt Nam căn cứ vào đó để làm thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu.

2.3. Nhập khẩu các loài động vật hoang dã và thực vật rừng nêu ở điểm c khoản 2.1: phải được Văn phòng CITES Việt Nam cấp giấy phép.

3. Xuất, nhập khẩu giống cây trồng và giống vật nuôi.

3.1. Xuất khẩu giống cây trồng và giống vật nuôi:

a) Cấm xuất khẩu các loại giống cây trồng, giống vật nuôi quý hiếm nằm trong Danh mục giống cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu, Danh mục giống vật nuôi quý hiếm cấm xuất khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 58/2001/QĐ-BNN-KNKL ngày 23 tháng 5 năm 2001.

b) Đối với các loại giống cây trồng, giống vật nuôi khác không thuộc Danh mục trên, khi xuất khẩu, doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

3.2. Nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

a) Đối với giống cây trồng, giống vật nuôi thuộc Danh mục giống cây trồng được nhập khẩu, Danh mục giống vật nuôi được nhập khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 58/2001/QĐ-BNN-KNKL ngày 23 tháng 5 năm 2001, khi nhập khẩu doanh nghiệp phải có hồ sơ về nguồn gốc, lý lịch giống, hướng dẫn sử dụng và chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

b) Các loại giống cây trồng, vật nuôi ngoài Danh mục trên, khi nhập khẩu phải được Cục Khuyến nông và khuyến lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép khảo nghiệm. Căn cứ vào kết quả khảo nghiệm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ bổ sung vào Danh mục giống cây trồng, giống vật nuôi được nhập khẩu vào Việt Nam.

c) Đối với phôi, tinh dịch gia súc, trứng giống già cầm khi nhập khẩu phải có giấy phép của Cục Khuyến nông và khuyến lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu sản xuất thuốc thú y và các chế phẩm sinh học dùng trong thú y.

a) Đối với các loại trong Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y được phép nhập khẩu vào Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 45/2001/QĐ-BNN-TY ngày 18/4/2001, khi nhập khẩu doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

b) Những loại thuốc thú y, nguyên liệu sản xuất thuốc thú y và các chế phẩm sinh học dùng trong thú y ngoài Danh mục nêu trên được Cục Thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép khảo nghiệm theo quy định đối với từng loại. Căn cứ vào kết quả khảo nghiệm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ bổ sung vào Danh mục thuốc thú y, nguyên liệu sản xuất thuốc thú y và chế phẩm sinh học dùng trong thú y được nhập khẩu vào Việt Nam.

c) Đối với vaccin các loại, khi nhập khẩu phải có giấy phép của Cục Thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và côn trùng trong bảo vệ thực vật.

a) Đối với các loại trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 17/2001/QĐ-BNN-BVTV ngày 06/3/2001, khi nhập khẩu doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

b) Cấm nhập khẩu các loại trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 17/2001/QĐ-BN-BVTV ngày 06/3/2001.

c) Đối với các loại trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 17/2001/QĐ-BNN-BVTV ngày 06/3/2001, hàng năm Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố số lượng được nhập khẩu. Các doanh nghiệp có đủ điều kiện kinh doanh loại thuốc này đăng ký để được Cục Bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép nhập khẩu.

d) Những loại thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật không thuộc các Danh mục nêu trên và côn trùng các loại dùng trong bảo vệ thực vật, Cục Bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép khảo nghiệm theo quy định đối với từng loại. Căn cứ kết quả khảo nghiệm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ bổ sung vào danh mục thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.

6. Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi.

a) Đối với các sản phẩm trong Danh mục thức

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

ăn chăn nuôi, nguyên liệu dùng chế biến thức ăn chăn nuôi được nhập khẩu vào Việt Nam thời kỳ 2001-2005 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 55/2001/QĐ-BNN-KNKL ngày 11/5/2001, khi nhập khẩu doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

b) Cấm nhập khẩu các loại sản phẩm trong Danh mục thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi cấm nhập khẩu vào Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 55/2001/QĐ/BNN-KNKL ngày 11/5/2001.

c) Những loại thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi không thuộc các Danh mục nêu trên khi nhập khẩu phải có giấy phép khảo nghiệm do Cục Khuyến nông và khuyến lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp theo quy định đối với từng loại. Căn cứ kết quả khảo nghiệm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ bổ sung vào Danh mục thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi được phép nhập khẩu vào Việt Nam.

7. Nhập khẩu phân bón và chế phẩm phân bón.

a) Đối với các loại phân bón và chế phẩm phân bón trong Danh mục phân bón được sử dụng và lưu thông ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 123/1998/QĐ-BNN-KHCN ngày 25/8/1998, Quyết định số 219/1998/QĐ-BNN-KHCN ngày 30/12/1998 và Quyết định số 12/2000/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/2/2000, khi nhập khẩu doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

b) Những loại phân bón và chế phẩm phân bón ngoài Danh mục nêu trên, Cục Khuyến nông và khuyến lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ cấp giấy phép khảo nghiệm theo quy định đối với từng loại khi nhập khẩu. Căn cứ kết quả khảo nghiệm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ bổ sung vào Danh mục được phép sử dụng và lưu thông ở Việt Nam.

8. Xuất, nhập khẩu nguồn gen cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật.

Tất cả vật thể là nguồn gen cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật, chế phẩm sinh học mới dùng trong nông nghiệp phục vụ cho mục đích nghiên cứu, thử nghiệm, trao đổi khoa học kỹ thuật khi xuất, nhập khẩu phải được Cục Khuyến nông và khuyến lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu và giấy phép khảo nghiệm theo các địa chỉ sau:

a) Chi cục Kiểm lâm sở tại: các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1.2 Mục 1 thuộc Chương II;

b) Cục Kiểm lâm (số 2 Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội, điện thoại 7335674, Fax: 7335685): các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1.2 Mục 1, khoản 2.2 và khoản 2.3 Mục 2 thuộc Chương II;

c) Cục Khuyến nông và khuyến lâm (số 2 Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội, điện thoại: 8234651, Fax: 8236403) hoặc đại diện Cục Khuyến nông và khuyến lâm tại thành phố Hồ Chí Minh (số 12 Phùng Khắc Khoan, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 088.243.870 và 088.293.280): các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 3.2 Mục 3 (trừ những loại giống cây trồng, giống vật nuôi có trong quy định của Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 và quy định của CITES phải gửi về Cục Kiểm lâm), điểm c Mục 6, điểm b Mục 7 và Mục 8 thuộc Chương II;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

d) Cục Thú y (phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội, điện thoại: 8696788, Fax: 8691311) hoặc cơ quan thường trực Cục Thú y tại thành phố Hồ Chí Minh (số 521 Hoàng Văn Thụ, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 08.8444024, Fax: 08.8569050): các trường hợp quy định tại điểm b và c Mục 4 thuộc Chương II;

đ) Cục Bảo vệ thực vật (số 149 phố Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, Hà Nội, điện thoại: 8519451, Fax: 5330043) hoặc đại diện Cục Bảo vệ thực vật tại thành phố Hồ Chí Minh (số 28 phố Mạc Đĩnh Chi, quận I, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 08.8221413, Fax: 08.8244187): các trường hợp quy định tại điểm c và d Mục 5 thuộc Chương II.

2. Mẫu hồ sơ: Theo mẫu hồ sơ do các cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

3. Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan tiếp nhận hồ sơ nói tại Mục 1 Chương này phải có văn bản trả lời.

4. Hiệu lực thi hành.

Thông tư này thay thế Thông tư số 41/2000/TT-BNN-KH ngày 13/4/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét giải quyết./.

Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

THÔNG TƯ số 72/2001/TT-BNN ngày 09/7/2001 về việc bổ sung và sửa đổi một số điểm trong Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 05/6/2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp theo Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005.

Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thuận lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung, sửa đổi điểm 1.2 và điểm 1.3 của Mục 1, điểm 2.2 của Mục 2, điểm d của Mục 5 (Chương II), điểm a Mục 1 và Mục 4 (Chương III) tại Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 05 tháng 6 năm 2001 về hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp thời kỳ 2001 - 2005 như sau:

I. Sửa đổi, bổ sung các điểm sau:

1. Sửa lại ý "b" của điểm 1.2 (Mục 1 Chương II) như sau:

"b) Sản phẩm gỗ quý hiếm thuộc nhóm IIA quy định tại Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 1 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) chỉ được phép xuất khẩu ở dạng hàng mỹ nghệ và đồ gỗ cao cấp; khi xuất khẩu, doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục với hải quan cửa khẩu."

2. Điểm 1.3 (Mục 1 Chương II) sửa lại như sau:

"Tất cả các sản phẩm làm từ các loại gỗ (trừ những quy định tại khoản 1.1 và khoản 1.2) đều được phép xuất khẩu, không hạn chế về số lượng và giá trị; khi xuất khẩu, doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục tại hải quan cửa khẩu."

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com